



Thời gian: 11-13/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%		T	55%				
1	172317784	Lê Thị Minh	Ánh	ENG 202 A	K17KKT4	10	10	9	8.5	7.5	6.6	7.1	8.0	Tám	
2	172237357	Võ Thị Thanh	Bình	ENG 202 A	K17KTR3	9.5	9	9	9.5	6.5	6.7	6.6	7.8	Bảy Phẩy Tám	
3	132526723	Nguyễn Đức	Cẩm	ENG 202 A	K13QNH2	0	0	0	0	7	4.6	5.8	3.2	Ba Phẩy Hai	98043
4	172237360	Lê Thị	Chi	ENG 202 A	K17KTR1	10	10	8.5	9	5	5.5	5.3	7.0	Bảy	
5	172237366	Lê Thế Bảo	Đại	ENG 202 A	K17KTR4	9.5	9	9	8	5.5	6.6	6.1	7.3	Bảy Phẩy Ba	
6	172317978	Phạm Thị Hồng	Diễm	ENG 202 A	K17KKT2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
7	172237375	Nguyễn Vi	Đình	ENG 202 A	K17KTR1	8	8.5	9	8	5	6.6	5.8	7.0	Bảy	
8	172237386	Nguyễn Hữu	Duy	ENG 202 A	K17KTR4	10	10	9	10	7.5	4.9	6.2	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
9	172317924	Trương Thị Trà	Giang	ENG 202 A	K17KKT3	10	9.5	8.5	8	5	4.7	4.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
10	172317744	Nguyễn Thị	Hà	ENG 202 A	K17KKT4	10	10	10	9.5	8	7.1	7.6	8.6	Tám Phẩy Sáu	
11	172237390	Phan Thanh	Hải	ENG 202 A	K17KTR4	10	9	9	8	7	4.2	5.6	7.1	Bảy Phẩy Một	
12	172317826	Võ Thị	Hải	ENG 202 A	K17KKT3	10	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
13	172237399	Hồng Thị Như	Hiếu	ENG 202 A	K17KTR1	10	9.5	9.5	10	7	7.5	7.3	8.3	Tám Phẩy Ba	
14	172317971	Nguyễn Thị Thu	Hoài	ENG 202 A	K17KKT4	10	9.5	9.5	9	5.5	4.9	5.2	7.1	Bảy Phẩy Một	
15	172237406	Đỗ Phúc	Hoan	ENG 202 A	K17KTR4	9	9	9	8	6.5	6.7	6.6	7.6	BảyPhẩy Sáu	
16	172237409	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	ENG 202 A	K17KTR3	9	9	9	9	5.5	6.6	6.1	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
17	172317780	Nguyễn Thị Minh	Hồng	ENG 202 A	K17KKT4	10	10	10	9	7.5	6.6	7.1	8.3	Tám Phẩy Ba	
18	172237421	Nguyễn Phước	Huy	ENG 202 A	K17KTR3	10	9.5	9	9	6.5	6.7	6.6	7.8	Bảy Phẩy Tám	
19	172317946	Đình Nguyễn Minh	Huyền	ENG 202 A	K17KKT3	10	10	9.5	8.5	7	5.5	6.3	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
20	172317769	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	ENG 202 A	K17KKT2	10	10	10	8	8.5	7.8	8.2	8.8	Tám Phẩy Tám	
21	172317811	Phạm Thị Thu	Huyền	ENG 202 A	K17KKT4	10	9.5	9	8	5	4.4	4.7	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
22	172237431	Nguyễn Xuân	Liêm	ENG 202 A	K17KTR1	8	9	9	8	4.5	5.1	4.8	6.5	Sáu Phẩy Năm	
23	172317878	Nguyễn Thị	Lợi	ENG 202 A	K17KKT4	10	10	9	9	5	5.1	5.1	7.0	Bảy	
24	172317840	Nguyễn Ái	Ly	ENG 202 A	K17KKT3	10	9.5	9.5	8	5	5.6	5.3	7.1	Bảy Phẩy Một	
25	172317775	Lê Thị	Na	ENG 202 A	K17KKT4	10	10	9	9	6	6	6	7.5	Bảy Phẩy Năm	
26	172237447	Hoàng Thị Phương	Ngọc	ENG 202 A	K17KTR1	10	9	9	8	5.5	4	4.8	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
27	172237453	Lê Thị Xuân	Nương	ENG 202 A	K17KTR3	9	9	9	8	5	6.4	5.7	7.1	Bảy Phẩy Một	
28	172317931	Đoàn Thị Kiều	Oanh	ENG 202 A	K17KKT4	10	9	9	9	5.5	5.8	5.7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
29	172237454	Lê Khắc Hoàng	Oanh	ENG 202 A	K17KTR4	10	9	9	8.5	4.5	5.8	5.2	6.9	Sáu Phẩy Chín	
30	172237455	Nguyễn Đặng Kiều	Oanh	ENG 202 A	K17KTR1	10	9.5	9.5	9	4.5	5.8	5.2	7.1	Bảy Phẩy Một	
31	172528595	Trần Thị	Phúc	ENG 202 A	K17QNH2	8.5	9	8.5	8	6	8.2	7.1	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
32	172237462	Vũ Hồ Bình	Phương	ENG 202 A	K17KTR4	10	9	8.5	8	6	4.6	5.3	6.8	Sáu Phẩy Tám	
33	172317927	Dương Viết	Quý	ENG 202 A	K17KKT4	10	10	9.5	9	7.5	6.4	7	8.1	Tám Phẩy Một	
34	172317761	Nguyễn Văn	Tấn	ENG 202 A	K17KKT4	9	9.5	8.5	9	6	4.9	5.5	7.0	Bảy	
35	172317858	Dương Thị	Thanh	ENG 202 A	K17KKT4	10	9.5	8.5	8	6.5	5.5	6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
36	172317789	Nguyễn Thị Minh	Thảo	ENG 202 A	K17KKT2	8.5	9	8.5	8	6	6.4	6.2	7.2	Bảy Phẩy Hai	
37	172317943	Nguyễn Thị Phương	Thảo	ENG 202 A	K17KKT2	10	10	9	8	7	7.6	7.3	8.1	Tám Phẩy Một	
38	172237490	Phạm Thị Thương	Thương	ENG 202 A	K17KTR3	8	9	9	10	7	6.4	6.7	7.8	Bảy Phẩy Tám	
39	172317935	Võ Thị Thu	Thủy	ENG 202 A	K17KKT3	10	9.5	9.5	8	6	5.1	5.6	7.2	Bảy Phẩy Hai	



Thời gian: 11-13/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%		T	55%				
40	172528662	Hoàng Như Trang	ENG 202 A	K17QNH2	8.5	9	8.5	8	6	4.9	5.5	6.8	Sáu Phẩy Tám		
41	172317733	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	ENG 202 A	K17KKT2	10	10	10	9	8	7.5	7.8	8.7	Tám Phẩy Bảy		
42	172318914	Phạm Lê Hiền Trang	ENG 202 A	K17KKT3	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
43	172317897	Lê Như Trinh	ENG 202 A	K17KKT3	10	10	10	8	8	5.8	6.9	8.1	Tám Phẩy Một		
44	172317787	Lê Thị Hồng Trinh	ENG 202 A	K17KKT4	10	10	9	9	7	6	6.5	7.8	Bảy Phẩy Tám		
45	172317750	Nguyễn Văn Trường	ENG 202 A	K17KKT1	9	9	9	9	6	5.1	5.6	7.1	Bảy Phẩy Một		
46	172237501	Trịnh Công Truyền	ENG 202 A	K17KTR3	9	9	9	8	4.5	3.3	3.9	0.0	Không		
47	172237503	Nguyễn Thế Ngọc Tú	ENG 202 A	K17KTR1	10	9	8	8	6.5	5.6	6.1	7.1	Bảy Phẩy Một		
48	172317977	Nguyễn Thị Hoài Vân	ENG 202 A	K17KKT4	10	10	9	9	6	5.8	5.9	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
49	172317923	Nguyễn Thị Thanh Vân	ENG 202 A	K17KKT3	10	9.5	9.5	8	7	6.4	6.7	7.8	Bảy Phẩy Tám		
50	172237517	Nguyễn Đắc Vinh	ENG 202 A	K17KTR3	8.5	9	9	8	v	v	v	0.0	Không		
51	172338160	Nguyễn Đức Hoàng Vũ	ENG 202 A	K17DLK1	0	0	0	0	7	6.7	6.9	3.8	Ba Phẩy Tám		
52	172317933	Lê Hải Yên	ENG 202 A	K17KKT2	10	10	9	8.5	6.5	5.6	6.1	7.5	Bảy Phẩy Năm		
53	172127572	Nguyễn Hữu An	ENG 202 B	K17TPM	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
54	172317859	Phan Thị Thảo An	ENG 202 B	K17KKT3	6	7	7.3	9	7	6	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín		
55	162524131	Phạm Thị Bích	ENG 202 B	K17QNH1	8	9.5	9.3	9	6.5	7.8	7.2	8.0	Tám		
56	172317914	Trần Thị Ngọc Bích	ENG 202 B	K17KKT3	10	10	7.3	10	7	6.2	6.6	7.6	BảyPhẩy Sáu		
57	172317745	Đoàn Thanh Bình	ENG 202 B	K17KKT4	8	9	8	9.5	7	5.6	6.3	7.3	Bảy Phẩy Ba		
58	172317895	Trần Nhật Quỳnh Chi	ENG 202 B	K17KKT3	8	8.5	8	9	7.5	6.9	7.2	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
59	172317778	Nguyễn Anh Dũng	ENG 202 B	K17KKT3	10	10	6.8	9	8	7.1	7.6	7.9	Bảy Phẩy Chín		
60	172528518	Đỗ Thị Mỹ Duyên	ENG 202 B	K17QNH2	10	10	9.5	9	6.5	7.6	7.1	8.2	Tám Phẩy Hai		
61	172317877	Nguyễn Thị Quỳnh Duyên	ENG 202 B	K17KKT3	8	8.5	9	10	6.5	7.1	6.8	7.8	Bảy Phẩy Tám		
62	172528529	Huỳnh Thị Phương Hằng	ENG 202 B	K17QNH2	9	9	6	9.5	7	5.8	6.4	7.0	Bảy		
63	172317808	Hoàng Thị Hồng Hạnh	ENG 202 B	K17KKT3	10	10	6.3	9	6.5	6	6.3	7.1	Bảy Phẩy Một		
64	172317842	Phan Thị Ngọc Hiền	ENG 202 B	K17KKT2	9	10	9.5	9	7	7.1	7.1	8.1	Tám Phẩy Một		
65	172528532	Phạm Bùi Duy Hiếu	ENG 202 B	K17QNH2	8	8.5	5	9.5	7	7.1	7.1	7.1	Bảy Phẩy Một		
66	172317925	Nguyễn Đức Minh Hoàng	ENG 202 B	K17KKT3	9	10	6	9	7	7.3	7.2	7.5	Bảy Phẩy Năm		
67	172317836	Đặng Thị Kim Huệ	ENG 202 B	K17KKT5	9	9	5.5	9	7	5.5	6.3	6.8	Sáu Phẩy Tám		
68	172528542	Vũ Thị Lan Hương	ENG 202 B	K17QNH2	9	9	9.5	9	7.5	5.3	6.4	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
69	172237420	Đoàn Xuân Huy	ENG 202 B	K17KTR2	8	8.5	5.8	9	7	4.3	5.7	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
70	172317853	Võ Đăng Tấn Huy	ENG 202 B	K17KKT3	7	8	7	9	7	8.4	7.7	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
71	172317785	Lê Thị Diệu Huyền	ENG 202 B	K17KKT3	10	10	6.8	10	7	6.7	6.9	7.6	BảyPhẩy Sáu		
72	172317913	Hoàng Quốc Khánh	ENG 202 B	K17KKT4	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
73	172317792	Nguyễn Thị Thanh Lan	ENG 202 B	K17KKT2	10	10	7	9	6	5.5	5.8	7.0	Bảy		
74	172317831	Nguyễn Thị Linh	ENG 202 B	K17KKT5	7	7	8	9	hp	hp	hp	0.0	Không		
75	172528563	Phan Thanh Long	ENG 202 B	K17QNH2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
76	172528565	Trịnh Thị Thảo Ly	ENG 202 B	K17QNH2	8	9	5.8	9.5	6	4.6	5.3	6.3	Sáu Phẩy Ba		
77	172528570	Nguyễn Quang Mỹ	ENG 202 B	K17QNH2	8	8.5	6.5	9.5	6	6	6	6.8	Sáu Phẩy Tám		
78	172317904	Nguyễn Thị Na	ENG 202 B	K17KKT1	8	9	5	9	7	5.6	6.3	6.7	Sáu Phẩy Bảy		



Thời gian: 11-13/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%		T	55%				
79	172317958	Hoàng Thị Nhân	ENG 202 B	K17KKT3	7	8	5	9	5.5	5	5.3	5.9	Năm Phẩy Chín		
80	172317929	Phan Thị Quỳnh Nhi	ENG 202 B	K17KKT5	10	10	8	9	7.5	6.2	6.9	7.8	Bảy Phẩy Tám		
81	172528588	Đỗ Thị Nhuận	ENG 202 B	K17QNH2	10	10	6	9.5	6.5	7.1	6.8	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
82	172338245	Nguyễn Ngọc Phương	ENG 202 B	K17KKT	8	8.5	6.5	9	7	6.6	6.8	7.2	Bảy Phẩy Hai		
83	172317876	Phan Thanh Phương	ENG 202 B	K17KKT3	9	9	6	9	6.5	5.6	6.1	6.8	Sáu Phẩy Tám		
84	172528609	Lê Văn Quy	ENG 202 B	K17QNH2	9	10	7.3	9.5	6.5	6.4	6.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
85	172317861	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ENG 202 B	K17KKT3	9	9	5.3	10	7	5.1	6.1	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
86	172317937	Phan Ngọc Phương Quỳnh	ENG 202 B	K17KKT2	10	10	7.3	9	7	6.2	6.6	7.5	Bảy Phẩy Năm		
87	172317841	Lê Hoàng Sang	ENG 202 B	K17KKT3	7	8	5.8	9	7.5	5.6	6.6	6.8	Sáu Phẩy Tám		
88	172317939	Trương Quang Sinh	ENG 202 B	K17KKT5	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
89	172528621	Tổng Phước Hoàng Tân	ENG 202 B	K17QNH2	8	9	9	9.5	9	6.9	8	8.4	Tám Phẩy Bốn		
90	172528626	Huỳnh Thị Yên Thanh	ENG 202 B	K17QNH2	10	10	7.3	9	7.5	6.6	7.1	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
91	172317742	Lê Thị Thanh	ENG 202 B	K17KKT3	8	8.5	5	9	6	5.5	5.8	6.3	Sáu Phẩy Ba		
92	172317871	Nguyễn Thị Thanh Thanh	ENG 202 B	K17KKT5	9	9	7.5	9	8	7.3	7.7	8.0	Tám		
93	172528627	Đặng Văn Thành	ENG 202 B	K17QNH2	10	10	7	9.5	6	5.3	5.7	7.0	Bảy		
94	172317806	Trần Thị Thu Thảo	ENG 202 B	K17KKT3	10	10	5.8	9	7	6.6	6.8	7.3	Bảy Phẩy Ba		
95	172317970	Lê Thị Trung Thu	ENG 202 B	K17KKT5	9	9	9.5	9	8	7.3	7.7	8.4	Tám Phẩy Bốn		
96	172317762	Nguyễn Trần Toàn	ENG 202 B	K17KKT3	7	7	5.5	9	6.5	5.6	6.1	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
97	172317799	Trần Thị Huyền Trang	ENG 202 B	K17KKT5	10	10	8	9	7.5	7.2	7.4	8.0	Tám		
98	172528675	Lê Thị Duy Trinh	ENG 202 B	K17QNH2	8	8.5	7.8	9.5	8	5.8	6.9	7.6	BảyPhẩy Sáu		
99	172317967	Phạm Thị Thảo Trinh	ENG 202 B	K17KKT4	9	9	7	9	6	6.7	6.4	7.1	Bảy Phẩy Một		
100	172317893	Trần Thị Ngọc Tú	ENG 202 B	K17KKT3	10	10	7.3	9	7.5	6.5	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
101	172317860	Phạm Thị Ánh Tuyết	ENG 202 B	K17KKT3	10	10	10	10	8.5	6.9	7.7	8.7	Tám Phẩy Bảy		
102	172528483	Nguyễn Thị Duy Xuyên	ENG 202 B	K17QNH2	10	10	6	9	7	6.9	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
103	172317741	Ngô Thị An	ENG 202 C	K17KKT1	10	6.5	4.6	6.5	6.5	7	6.8	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
104	172317852	Lê Thị Ngọc Anh	ENG 202 C	K17KKT1	10	6.5	5.6	7	7.5	7.4	7.5	7.1	Bảy Phẩy Một		
105	172528490	Trần Đình Trâm Anh	ENG 202 C	K17QNH1	8.5	7	5.6	7	7.5	6.7	7.1	6.9	Sáu Phẩy Chín		
106	172317835	Trang Thị Thảo Chi	ENG 202 C	K17KKT2	10	6	6	7	7.5	8.3	7.9	7.3	Bảy Phẩy Ba		
107	172528522	Đỗ Thị Hương Giang	ENG 202 C	K17QNH4	10	7	5	7	7	6.7	6.9	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
108	172317910	Hoàng Thị Thanh Giang	ENG 202 C	K17KKT1	8	6	5.8	6	7	6.1	6.6	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
109	172528520	Nguyễn Thị Giang	ENG 202 C	K17QNH1	10	9	6.8	9	8	6.9	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám		
110	172528527	Đặng Duy Hải	ENG 202 C	K17QNH4	8	6	4.8	5	7.5	6.5	7	6.3	Sáu Phẩy Ba		
111	172528530	Trần Thị Hồng Hạnh	ENG 202 C	K17QNH1	8	7	5.6	7	7	6	6.5	6.5	Sáu Phẩy Năm		
112	172317760	Nguyễn Tấn Hiền	ENG 202 C	K17KKT1	7	6	5.8	5	7	6.1	6.6	6.2	Sáu Phẩy Hai		
113	172528534	Võ Quý Hòa	ENG 202 C	K17QNH1	10	8	5.2	7	7.5	5.8	6.7	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
114	172528543	Nguyễn Đàm Giáng Hương	ENG 202 C	K17QNH1	10	9	6	9	8	6.7	7.4	7.5	Bảy Phẩy Năm		
115	172317753	Nguyễn Thị Thanh Huyền	ENG 202 C	K17KKT1	10	7	4.8	7	8	5	6.5	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
116	172528546	Nguyễn Trần Phươn Huyền	ENG 202 C	K17QNH2	10	9	6.6	9	8.5	6.7	7.6	7.8	Bảy Phẩy Tám		
117	172317908	Trần Thị Huyền	ENG 202 C	K17KKT1	10	6.5	5.2	7	8	5.4	6.7	6.6	Sáu Phẩy Sáu		



Thời gian: 11-13/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
118	172528547	Trần Thảo	Khoa	ENG 202 C	K17QNH2	10	7	5.2	6.5	8	6.7	7.4	6.9	Sáu Phẩy Chín	
119	172528566	Nguyễn Thị Hạ	Ly	ENG 202 C	K17QNH1	10	8	5.4	7	8	6.7	7.4	7.1	Bảy Phẩy Một	
120	172528578	Trần Lê Đại	Ngọc	ENG 202 C	K17QNH3	7	6	6.4	6	7.5	5.6	6.6	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
121	172528582	Nguyễn Ánh	Nguyệt	ENG 202 C	K17QNH1	10	8	5.4	7	8	7.6	7.8	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
122	172528585	Lê Thành	Nhân	ENG 202 C	K17QNH3	7	6	7	6	8	6.7	7.4	7.0	Bảy	
123	172528584	Nguyễn Thành	Nhân	ENG 202 C	K17QNH2	5	5.5	5.4	5	7.5	5.6	6.6	6.0	Sáu	
124	172528587	Huỳnh Thị Yên	Nhi	ENG 202 C	K17QNH3	10	6	5.6	7	7.5	6.1	6.8	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
125	142234514	Trần Văn	Nhật	ENG 202 C	K14KTR1	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	00428
126	172317751	Đào Thị	Phúc	ENG 202 C	K17KKT1	8.5	7	5	6	7.5	5.6	6.6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
127	172528594	Nguyễn Đình	Phúc	ENG 202 C	K17QNH1	8.5	7	4.2	6	6.5	5	5.8	5.7	Năm Phẩy Bảy	
128	172528598	Nguyễn Quang	Phụng	ENG 202 C	K17QNH1	8.5	6	5.4	5	6.5	5.4	6	5.9	Năm Phẩy Chín	
129	172528608	Nguyễn Đình	Quốc	ENG 202 C	K17QNH1	10	7	4.6	6	7	5.6	6.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
130	172528612	Phạm Phước Ngọc	Quyên	ENG 202 C	K17QNH4	6	5.5	4.6	5	8	7.6	7.8	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
131	172317743	Võ Thị Thu	Thái	ENG 202 C	K17KKT1	8.5	6	5.8	6	6	6.9	6.5	6.3	Sáu Phẩy Ba	
132	172528642	Đinh Thị	Thảo	ENG 202 C	K17QNH4	10	7	4.8	6	5	5.8	5.4	5.7	Năm Phẩy Bảy	
133	172317938	Trần Thạch	Thảo	ENG 202 C	K17KKT1	7	5	4.8	5	6	5	5.5	5.3	Năm Phẩy Ba	
134	172317966	Nguyễn Thị	Thùy	ENG 202 C	K17KKT1	10	6.5	5.4	6.5	6	6.1	6.1	6.2	Sáu Phẩy Hai	
135	172528677	Cáp Lê Hoài	Trình	ENG 202 C	K17QNH4	10	6	6	7	7	5.6	6.3	6.5	Sáu Phẩy Năm	
136	172528671	Nguyễn Ngọc Phước	Trình	ENG 202 C	K17QNH2	6.5	6	6.8	5	7	5.8	6.4	6.3	Sáu Phẩy Ba	
137	172528683	Hoàng Thanh	Tùng	ENG 202 C	K17QNH2	9	8	6.2	7	9	7.4	8.2	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
138	172317817	Đinh Thị Ngọc	Tửu	ENG 202 C	K17KKT1	10	7	4.8	7	7	6.3	6.7	6.5	Sáu Phẩy Năm	
139	172317768	Nguyễn Thị Huỳnh	Uyên	ENG 202 C	K17KKT1	8.5	7	6.2	6	7	6.7	6.9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
140	172528685	Nguyễn Thị Thục	Uyên	ENG 202 C	K17QNH2	10	7	7.8	6	7	6.7	6.9	7.1	Bảy Phẩy Một	
141	172528697	Hồ Thị Tường	Vy	ENG 202 C	K17QNH3	10	6	5.6	7	7	5.8	6.4	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
142	172528696	Nguyễn Lê	Vy	ENG 202 C	K17QNH4	10	7	5	6.5	7	6	6.5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
143	172317856	Võ Thị Thu	Vy	ENG 202 C	K17KKT1	10	6.5	6	7	8	6.9	7.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
144	172528703	Phan Thị Hồng	Yên	ENG 202 C	K17QNH1	10	7	5.4	6.5	8	6.9	7.5	7.0	Bảy	
145	172317748	Đỗ Thị Ngọc	An	ENG 202 E	K17KKT2	10	10	6.5	7	7	6.7	6.9	7.3	Bảy Phẩy Ba	
146	172528485	Nguyễn Thị Trâm	Anh	ENG 202 E	K17QNH4	10	10	3.5	7.3	8	6	7	6.8	Sáu Phẩy Tám	
147	172317892	Nguyễn Trần Thủy	Anh	ENG 202 E	K17KKT2	9	9	4.8	7	6	4.9	5.5	6.0	Sáu	
148	172317919	Trần Thị Xuân	Anh	ENG 202 E	K17KKT3	10	10	4.5	7	6	6.5	6.3	6.5	Sáu Phẩy Năm	
149	161156344	Trương Thái	Bảo	ENG 202 E	K16ECD1	10	10	4.8	8.4	8	5.6	6.8	7.0	Bảy	97670
150	172317932	Phan Thị	Diễm	ENG 202 E	K17KKT1	10	10	6	7.2	7	7.6	7.3	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
151	172317764	Nguyễn Trần Thủy	Diệu	ENG 202 E	K17KKT3	10	10	5.2	7	6	7.4	6.7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
152	172317770	Nguyễn Khánh	Hòa	ENG 202 E	K17KKT1	7	7	4.3	7.3	5	6.5	5.8	5.8	Năm Phẩy Tám	
153	172317940	Trần Thị Thu	Huệ	ENG 202 E	K17KKT1	9	9	5	7.2	6	6.9	6.5	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
154	172317791	Nguyễn Mạnh	Hùng	ENG 202 E	K17KKT2	4	4	3	6.8	6	5.6	5.8	5.1	Năm Phẩy Một	
155	172338152	Trần Văn	Hưng	ENG 202 E	K17QTH3	9	9	5.8	8.4	7	4.7	5.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
156	172317952	Nguyễn Thị Mai	Hương	ENG 202 E	K17KKT2	9	9	5.3	7	7	7.2	7.1	7.0	Bảy	



Thời gian: 11-13/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%		T	55%				
157	172237424	Nguyễn Quốc	Khánh	ENG 202 E	K17KTR2	8	8	5.8	8.9	5.5	4.9	5.2	6.1	Sáu Phẩy Một	
158	172338237	Lê Bảo	Khoa	ENG 202 E	K17QTH3	5	5	5	8.9	7.5	5.3	6.4	6.2	Sáu Phẩy Hai	
159	172317766	Nguyễn Thị Hiền	Khuê	ENG 202 E	K17KKT3	10	10	4.8	7	6.5	6.2	6.4	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
160	172528550	Nguyễn Thị Thu	Kiều	ENG 202 E	K17QNH4	9	9	5.5	7.3	hp	hp	hp	0.0	Không	
161	169322655	Trần Thị Thanh	Kiều	ENG 202 E	D16KDN2B	5	5	6.3	7	5	5.9	5.5	5.7	Năm Phẩy Bảy	98416
162	172237428	Đỗ Thế	Kim	ENG 202 E	K17KTR2	5	5	6.8	8.9	8	6.9	7.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
163	172338221	Hoàng Nguyễn Mạn Kỳ		ENG 202 E	K17QTH3	9	9	6.5	8.4	8	7.8	7.9	7.8	Bảy Phẩy Tám	
164	169322657	Nguyễn Thị	Lan	ENG 202 E	D16KDN2B	5	5	6.3	5	6.5	6.7	6.6	6.1	Sáu Phẩy Một	97494
165	172317879	Hoàng Thị	Liễu	ENG 202 E	K17KKT2	9	9	5	7	6	6	6	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
166	169322667	Ca Thị	Mai	ENG 202 E	D16KDN2B	5	5	6.8	5	6	7.5	6.8	6.3	Sáu Phẩy Ba	97518
167	172338166	Nguyễn Ngọc Hải	My	ENG 202 E	K17QTH3	10	10	7.8	8.9	9	7.5	8.3	8.5	Tám Phẩy Năm	
168	172317898	Trần Thị Mỹ	Nga	ENG 202 E	K17KKT1	10	10	4.3	7.2	7	6.6	6.8	6.8	Sáu Phẩy Tám	
169	172317903	Võ Thị Như	Ngọc	ENG 202 E	K17KKT5	10	10	4.8	6.8	6	6.2	6.1	6.5	Sáu Phẩy Năm	
170	172317793	Nguyễn Thị Ái	Nguyên	ENG 202 E	K17QNH4	10	10	4.8	7.2	7.5	5.1	6.3	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
171	172528586	Hoàng Thị Ái	Nhi	ENG 202 E	K17QNH4	9	9	5.5	7	8	6.4	7.2	7.1	Bảy Phẩy Một	
172	172317797	Trần Thị	Nhị	ENG 202 E	K17KKT1	10	10	5.5	7.2	6.5	5.5	6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
173	172528592	Trần Thị Duy	Phú	ENG 202 E	K17QNH2	9	9	4.3	7	7	5.5	6.3	6.3	Sáu Phẩy Ba	
174	172528603	Lê Thị Thảo	Phương	ENG 202 E	K17QNH1	10	10	5.3	7	7	6.6	6.8	7.0	Bảy	
175	172528607	Hồ Thị Kim	Phượng	ENG 202 E	K17QNH4	10	10	6	7.8	7	6.4	6.7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
176	172317968	Võ Thị Phương	Quỳnh	ENG 202 E	K17KKT3	10	10	4.5	7	7	5.6	6.3	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
177	172528613	Phạm Như	Quỳnh	ENG 202 E	K17QNH1	8	8	4.5	5	6.8	7.5	7.2	6.5	Sáu Phẩy Năm	
178	172528620	Hoàng Thị	Tâm	ENG 202 E	K17QNH4	10	10	4.5	7.2	6.5	5.5	6	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
179	172338246	Trần Mai Huyền	Thanh	ENG 202 E	K17QTH2	10	10	5	7	7	6.7	6.9	7.0	Bảy	
180	172317957	Đặng Thị Thu	Thảo	ENG 202 E	K17KKT3	10	9	6	7	7.5	7.3	7.4	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
181	172317824	Nguyễn Thị Thu	Thảo	ENG 202 E	K17KKT1	10	10	3.8	7.2	5.5	5.3	5.4	6.0	Sáu	
182	172317854	Nguyễn Thị	Thu	ENG 202 E	K17KKT3	9	9	5.3	6.8	4	6.4	5.2	6.0	Sáu	
183	172317902	Bùi Thị Đoan	Thục	ENG 202 E	K17KKT2	10	10	7	6.8	6.5	6.7	6.6	7.2	Bảy Phẩy Hai	
184	172317847	Nguyễn Tấn	Tín	ENG 202 E	K17KKT5	9	9	5	6.8	6	7.1	6.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
185	172317746	Hoàng Thị Mỹ	Trân	ENG 202 E	K17KKT5	9	9	6.3	7	10	8.6	9.3	8.4	Tám Phẩy Bốn	
186	172317737	Lê Thị Thùy	Trang	ENG 202 E	K17KKT3	10	10	5.5	7	5.5	5.5	5.5	6.3	Sáu Phẩy Ba	
187	172317941	Trần Thị Thanh	Trang	ENG 202 E	K17KKT3	10	10	5	7	5.5	5.1	5.3	6.1	Sáu Phẩy Một	
188	172317749	Lê Thị Tố	Trình	ENG 202 E	K17KKT1	10	10	5.3	6.8	7	7.6	7.3	7.3	Bảy Phẩy Ba	
189	172317936	Phạm Thị Thanh	Truyền	ENG 202 E	K17QNH4	9	9	6	6.8	6	6.4	6.2	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
190	172338176	Nguyễn Cẩm	Vi	ENG 202 E	K17QTH3	10	10	6	8.9	7	6.2	6.6	7.2	Bảy Phẩy Hai	
191	172528688	Nguyễn Thị Trúc	Vi	ENG 202 E	K17QNH4	10	10	4.8	7.2	8.2	6.6	7.4	7.3	Bảy Phẩy Ba	
192	172317965	Nguyễn Thị Tường	Vi	ENG 202 E	K17KKT5	9	9	5.8	7	6.5	6.6	6.6	6.8	Sáu Phẩy Tám	
193	172528695	Nguyễn Huyền	Vy	ENG 202 E	K17QNH1	9	9	5.8	7	7.5	6.9	7.2	7.2	Bảy Phẩy Hai	
194	172317794	Nguyễn Thị Lan	Anh	ENG 202 F	K17KKT4	10	10	8.5	6	8	6.7	7.4	7.8	Bảy Phẩy Tám	
195	172317812	Trần Tuấn	Anh	ENG 202 F	K17KKT5	10	7	7	5	6	3.5	4.8	5.7	Năm Phẩy Bảy	



Thời gian: 11-13/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%		T	55%				
196	172528495	Huỳnh Thị Ngọc Bích	ENG 202 F	K17QNH1	8	7	8.5	7.9	6.5	6.4	6.5	7.1	Bảy Phẩy Một		
197	172319028	Trần Công Chính	ENG 202 F	K17KKT4	8	9	8.1	7.5	7	5.5	6.3	7.1	Bảy Phẩy Một		
198	172317972	Huỳnh Nguyễn Hoài Chung	ENG 202 F	K17KKT4	10	10	7.5	6	7.5	6.7	7.1	7.5	Bảy Phẩy Năm		
199	172317866	Nguyễn Hữu Công	ENG 202 F	K17KKT5	10	7	7.3	5.2	6.5	6.7	6.6	6.8	Sáu Phẩy Tám		
200	172528513	Phạm Thuý Dung	ENG 202 F	K17QNH1	10	10	8.3	8.1	7.8	8	7.9	8.3	Tám Phẩy Ba		
201	172528516	Nguyễn Thị Thuý Dương	ENG 202 F	K17QNH2	10	10	7.5	5.4	7	5.6	6.3	7.0	Bảy		
202	172338209	Hồ Vũ Nhật Duy	ENG 202 F	K17QTH2	8	7	8	5	7.5	6.6	7.1	7.1	Bảy Phẩy Một		
203	172317781	Nguyễn Sỹ Hiệp	ENG 202 F	K17KKT4	8	7	7	6	6	5.5	5.8	6.3	Sáu Phẩy Ba		
204	172317887	Phạm Ngọc Hiếu	ENG 202 F	K17KKT5	10	7	6	5.3	6	4.6	5.3	5.8	Năm Phẩy Tám		
205	172317969	Nguyễn Đắc Hưng	ENG 202 F	K17KKT5	10	7	6.5	5.7	6.5	5.5	6	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
206	172338229	Nguyễn Thị Thanh Huyền	ENG 202 F	K17QTH2	10	7	8	7.3	7.2	5.8	6.5	7.1	Bảy Phẩy Một		
207	172338148	Mai Khoa	ENG 202 F	K17QTH2	8	9	7.3	4	9	5.6	7.3	7.2	Bảy Phẩy Hai		
208	172338187	Đinh Thị Thúy Kiều	ENG 202 F	K17QTH2	10	10	8.5	6.3	8	6.9	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín		
209	172528549	Mai Thị Kim Kiều	ENG 202 F	K17QNH2	9	9	7	6.3	9	6.2	7.6	7.6	Bảy Phẩy Sáu		
210	172528557	Nguyễn Hà Linh	ENG 202 F	K17QNH2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
211	172317849	Đào Thị Bạch Mai	ENG 202 F	K17KKT4	8	8	7.8	5	7.5	6	6.8	7.0	Bảy		
212	172338192	Trà Thị Thanh Mơ	ENG 202 F	K17QTH2	10	10	8.3	7.3	8	6.7	7.4	7.9	Bảy Phẩy Chín		
213	172528574	Văn Thị Thuý Nga	ENG 202 F	K17QNH2	8	7	8	5	8	6.6	7.3	7.2	Bảy Phẩy Hai		
214	172528577	Nguyễn Châu Bảo Ngân	ENG 202 F	K17QNH2	10	10	9.5	9.2	9.5	8.6	9.1	9.3	Chín Phẩy Ba		
215	172528604	Vũ Ngọc Phương	ENG 202 F	K17QNH2	10	10	8.5	6.7	9	6.9	8	8.2	Tám Phẩy Hai		
216	172528616	Nguyễn Thị Thảo Sương	ENG 202 F	K17QNH2	10	10	9	8.5	9	8	8.5	8.8	Tám Phẩy Tám		
217	172528619	Nguyễn Phan Thành Tâm	ENG 202 F	K17QNH1	8	7	8.3	5.6	8.5	4.7	6.6	7.0	Bảy		
218	172317949	Lê Thị Ngọc Tân	ENG 202 F	K17KKT3	6	7	8.3	6	hp	hp	hp	0.0	Không		
219	172338214	Huỳnh Xuân Thanh	ENG 202 F	K17QTH2	8	9	7.5	5.2	6	7.5	6.8	7.0	Bảy		
220	172528625	Lê Hồ Ngọc Thanh	ENG 202 F	K17QNH2	10	9	9	7.3	6.5	7.3	6.9	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
221	172317869	Lê Thị Hoài Thương	ENG 202 F	K17KKT4	10	10	7.5	4	6	5.8	5.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
222	172528660	Phạm Thị Thu Thủy	ENG 202 F	K17QNH2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
223	172317891	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	ENG 202 F	K17KKT5	10	8	8.3	7.1	8.5	5.5	7	7.5	Bảy Phẩy Năm		
224	172338239	Phạm Thị Lệ Trinh	ENG 202 F	K17QTH2	10	10	7.5	7	8	6.9	7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám		
225	172317740	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	ENG 202 F	K17KKT5	10	10	7.5	7	8	5.3	6.7	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
226	172338236	Trần Ngọc Cẩm Tuyết	ENG 202 F	K17QTH2	10	10	8	7.2	8.5	6.6	7.6	8.0	Tám		
227	172528686	Trần Thị Phương Uyên	ENG 202 F	K17QNH3	9	9	7.5	7	9	6.6	7.8	7.8	Bảy Phẩy Tám		
228	172338193	Nguyễn Duy Tuấn Việt	ENG 202 F	K17QTH2	8	9	7.3	3.5	8.5	6.9	7.7	7.3	Bảy Phẩy Ba		
229	172338194	Nguyễn Thị Vĩnh	ENG 202 F	K17QTH2	9	10	8.3	6.5	9	6.2	7.6	7.9	Bảy Phẩy Chín		
230	172317857	Dương Thị Nhã Ý	ENG 202 F	K17KKT4	10	9	8	6.3	8.5	7.3	7.9	8.0	Tám		
231	172317874	Đinh Thị Hoàng Yến	ENG 202 F	K17KKT5	8	7	8	5.1	9	6.4	7.7	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
232	172338145	Nguyễn Thị Hồng Yến	ENG 202 F	K17QTH2	10	10	8	7.3	6.5	6.6	6.6	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
233	172528704	Nguyễn Thị Ngọc Yến	ENG 202 F	K17KKT	10	10	8.8	8	7	6.7	6.9	7.8	Bảy Phẩy Tám		
234	172528492	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ENG 202 G	K17QNH3	10	10	7.8	9	7	6	6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm		



Thời gian: 11-13/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%		T	55%				
235	172338223	Huỳnh Quốc Bình	ENG 202 G	K17QTH1	8.5	9.5	10	9	8	8.4	8.2	8.8	Tám Phẩy Tám		
236	172528504	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	ENG 202 G	K17QNH3	10	10	7.5	9	7	6.9	7	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
237	172528515	Lê Trung Dũng	ENG 202 G	K17QNH4	9	9	7	9.5	7.5	6.6	7.1	7.6	BảyPhẩy Sáu		
238	172317830	Vũ Thị Bảo Duyên	ENG 202 G	K17KKT2	8	8.5	5	9	8	7.3	7.7	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
239	172528524	Nguyễn Thùy Phước Hà	ENG 202 G	K17QNH1	9	9	6.3	10	7.5	6.4	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
240	172317947	Phùng Thị Tuyết Hoà	ENG 202 G	K17KKT2	9	9	5.3	9	6	5.1	5.6	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
241	172528705	Trần Thị Thương Hoài	ENG 202 G	K17QNH4	7	8	7.8	9	6.5	5.8	6.2	7.0	Bảy		
242	172317942	Cao Thị Khánh Huyền	ENG 202 G	K17KKT2	8	8.5	5	9	6	6.4	6.2	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
243	172528558	Nguyễn Thùy Linh	ENG 202 G	K17QNH4	7	8	7.5	9.5	6.5	7.3	6.9	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
244	172528555	Phạm Lê Nhật Linh	ENG 202 G	K17QNH4	7	8	5.5	9.5	7	6.2	6.6	6.8	Sáu Phẩy Tám		
245	172528561	Huỳnh Thị Hồng Loan	ENG 202 G	K17QNH3	9	9	9.5	9	6.5	6.6	6.6	7.8	Bảy Phẩy Tám		
246	172528560	Lê Nguyễn Kim Loan	ENG 202 G	K17QNH4	7	8	9.5	9	7.5	6.7	7.1	7.9	Bảy Phẩy Chín		
247	172528576	Nguyễn Thị Kiều Nga	ENG 202 G	K17QNH4	8	8.5	9.8	9	7.5	7.5	7.5	8.2	Tám Phẩy Hai		
248	172127605	Nguyễn Hữu Phi	ENG 202 G	K17QNH4	7	8	5.5	9	8	6.4	7.2	7.1	Bảy Phẩy Một		
249	172237457	Nguyễn Thanh Phú	ENG 202 G	K17KTR3	0	0	0	0	8.5	6.2	7.4	4.0	Bốn		
250	172317961	Dương Thị Ngọc Phương	ENG 202 G	K17KKT4	8	9	5.3	9	7.5	6.4	7	7.1	Bảy Phẩy Một		
251	172317771	Nguyễn Thị Thanh Quyền	ENG 202 G	K17KKT4	9.5	9	6.3	9	7.5	4.7	6.1	6.9	Sáu Phẩy Chín		
252	172528618	Trương Thị Trang Tâm	ENG 202 G	K17QNH1	10	10	5	10	7.5	5	6.3	6.9	Sáu Phẩy Chín		
253	172317951	Đào Thiên Thư	ENG 202 G	K17KKT1	9	10	10	9.8	8	8.6	8.3	9.0	Chín		
254	172317772	Nguyễn Thị Thuỷ	ENG 202 G	K17KKT2	7	8	5	9	6	5.8	5.9	6.3	Sáu Phẩy Ba		
255	172528655	Nguyễn Thị Minh Thúy	ENG 202 G	K17QNH1	10	10	10	10	6	7.5	6.8	8.2	Tám Phẩy Hai		
256	172528658	Phạm Thị Anh Thúy	ENG 202 G	K17QNH3	9.5	9	6.3	9	7	6.4	6.7	7.2	Bảy Phẩy Hai		
257	172528661	Đặng Thị Tinh	ENG 202 G	K17KKT	10	10	8.8	9	6.5	6.7	6.6	7.8	Bảy Phẩy Tám		
258	172317888	Nguyễn Thị Minh Trâm	ENG 202 G	K17KKT4	10	10	5.8	9	6.5	6.6	6.6	7.2	Bảy Phẩy Hai		
259	172317763	Lê Thị Quỳnh Trân	ENG 202 G	K17KKT1	7	8	8.5	9.8	v	v	v	0.0	Không		
260	172317809	Ngô Thuý Trang	ENG 202 G	K17KKT1	8	8.5	8.3	9.8	6.5	6.7	6.6	7.5	Bảy Phẩy Năm		
261	172317930	Nguyễn Thị Trang	ENG 202 G	K17KKT2	9	9	6	9	6.5	7.6	7.1	7.3	Bảy Phẩy Ba		
262	172528670	Đặng Trần Bảo Triệu	ENG 202 G	K17QNH3	9.5	9	5	9	5.5	3.8	4.7	5.8	Năm Phẩy Tám		
263	172317844	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	ENG 202 G	K17KKT2	7	7	6.5	9	6	7.3	6.7	6.9	Sáu Phẩy Chín		
264	172338151	Lê Văn Tuấn Việt	ENG 202 G	K17QTH1	9	9	7.3	9	6.5	5.3	5.9	7.0	Bảy		
265	172528702	Nguyễn Thị Kim Yên	ENG 202 G	K17QNH3	8	8.5	8	9	6.5	7.5	7	7.6	BảyPhẩy Sáu		
266	172317921	Huỳnh Nguyễn Hạ Vy	ENG 202 G	K17KKT4	7	8	6.5	9	5.5	6.7	6.1	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
267	172338186	Đặng Việt Anh	ENG 202 I	K17QTH1	10	7	8	6.3	5.8	7.5	6.7	7.1	Bảy Phẩy Một		
268	172528503	Lê Thị Ngọc Diễm	ENG 202 I	K17QNH1	10	7	8.5	8.4	7	6.6	6.8	7.5	Bảy Phẩy Năm		
269	172528509	Nguyễn Tấn Đức	ENG 202 I	K17KKT	10	8	6	7.6	5.5	6	5.8	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
270	172528511	Phạm Thùy Đức	ENG 202 I	K17QNH2	10	7	7.2	7	6	6.4	6.2	6.8	Sáu Phẩy Tám		
271	172338206	Trần Thị Ngọc Dung	ENG 202 I	K17QTH1	10	7	8.5	5.3	6	6.9	6.5	7.0	Bảy		
272	172338197	Nguyễn Thị Hồng Gấm	ENG 202 I	K17QTH3	10	7	5	6	8	5.5	6.8	6.5	Sáu Phẩy Năm		
273	172317790	Nguyễn Hoàng Ngát Giang	ENG 202 I	K17KKT4	10	10	9	10	8	6.6	7.3	8.3	Tám Phẩy Ba		



Thời gian: 11-13/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%		T	55%				
274	172528528	Hoàng Thị Thu	Hằng	ENG 202 I	K17QNH3	10	10	6	7	7.5	5.5	6.5	7.0	Bảy	
275	172528541	Hoàng Thị Mỹ	Hương	ENG 202 I	K17QNH3	10	9	7	6.5	7.5	4.7	6.1	6.8	Sáu Phẩy Tám	
276	172338269	Nguyễn Văn Anh	Khoa	ENG 202 I	K17QTH1	10	10	9.5	10	9	7.6	8.3	9.0	Chín	
277	172528553	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	ENG 202 I	K17QNH1	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
278	172528554	Ngô Thị Thùy	Linh	ENG 202 I	K17QNH3	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
279	172528573	Huỳnh Vũ	Nam	ENG 202 I	K17QNH3	9	7	6	5.5	6.5	5.3	5.9	6.1	Sáu Phẩy Một	
280	172528571	Trần Nhật	Nam	ENG 202 I	K17QNH3	10	8.5	7.5	5.5	6.5	5.8	6.2	6.8	Sáu Phẩy Tám	
281	172338220	Nguyễn Hoàng	Nhật	ENG 202 I	K17QTH3	10	10	9	7.3	7.5	5.1	6.3	7.5	Bảy Phẩy Năm	
282	172338149	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	ENG 202 I	K17QTH1	10	9	6.5	7	8	7.1	7.6	7.6	BảyPhẩy Sáu	
283	172528596	Nguyễn Công	Phúc	ENG 202 I	K17QNH3	10	8	6.5	6.4	6.5	6.7	6.6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
284	172528605	Huỳnh Văn	Phương	ENG 202 I	K17QNH3	10	7	5	6.5	6.5	4.9	5.7	6.0	Sáu	
285	172338153	Nguyễn Thị Quế	Phương	ENG 202 I	K17QTH1	10	9	3.5	6.7	5	6	5.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
286	172528601	Võ Thị Anh	Phương	ENG 202 I	K17QNH3	10	9.5	6	6	7	4.9	6	6.5	Sáu Phẩy Năm	
287	172237464	Nguyễn Phú	Quang	ENG 202 I	K17KTR2	10	8	8	7	7	6.9	7	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
288	172528611	Nguyễn Thị	Quyên	ENG 202 I	K17QNH3	10	8	8	6.1	6.5	5.5	6	6.8	Sáu Phẩy Tám	
289	172338222	Ngô Nhật	Tân	ENG 202 I	K17QTH3	9	7	4.5	6.1	6	6	6	6.0	Sáu	
290	172528622	Trương Thị Hồng	Thạch	ENG 202 I	K17QNH3	10	8.5	4.5	5.3	7	5.5	6.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
291	172338147	Lê Nguyễn Vân	Thanh	ENG 202 I	K17QTH1	10	8.5	8.5	7.3	6.5	6.9	6.7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
292	172528633	Nguyễn Hoàng	Thảo	ENG 202 I	K17QNH3	10	10	10	8.5	8	7.8	7.9	8.7	Tám Phẩy Bảy	
293	172528644	Đinh Dạ	Thi	ENG 202 I	K17QNH3	10	8	7.5	6.8	v	v	v	0.0	Không	
294	172528645	Ngô Quang	Thiện	ENG 202 I	K17QNH2	10	10	10	10	8	7.6	7.8	8.8	Tám Phẩy Tám	
295	172338184	Lê Đình	Thọ	ENG 202 I	K17QTH3	10	7	5	6.2	6	5.3	5.7	5.9	Năm Phẩy Chín	
296	172338167	Nguyễn Thị Diệu	Thu	ENG 202 I	K17QTH3	10	7.5	4	5.8	6	4.9	5.5	5.6	Năm Phẩy Sáu	
297	172338164	Lê Hoàng Anh	Thư	ENG 202 I	K17QTH1	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
298	172528652	Đặng Thị Hoài	Thương	ENG 202 I	K17QNH3	7	7	4	5.8	6	5.5	5.8	5.6	Năm Phẩy Sáu	
299	172528667	Đàm Thị Thuý	Trang	ENG 202 I	K17QNH1	10	7	5.5	6.3	6.5	5.6	6.1	6.3	Sáu Phẩy Ba	
300	172528665	Nguyễn Thị	Trang	ENG 202 I	K17QNH3	9	7	6.5	6.3	6.5	6.6	6.6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
301	172528664	Thái Nha	Trang	ENG 202 I	K17QNH3	10	7	4	7.8	7.5	5.8	6.7	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
302	172338155	Nguyễn Ngọc	Tuấn	ENG 202 I	K17QTH3	3	2	0	4.5	hp	hp	hp	0.0	Không	
303	172317915	Nguyễn Lê Ánh	Tuyết	ENG 202 I	K17KKT4	10	8	8	6.4	5	6.6	5.8	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
304	172338217	Phan Trần Oanh	Vũ	ENG 202 I	K17QTH3	10	8	3.5	5.8	5.5	6	5.8	5.7	Năm Phẩy Bảy	
305	172338219	Trương Thị Hồ	Yên	ENG 202 I	K17QTH1	10	8	6	5.9	5	6.4	5.7	6.2	Sáu Phẩy Hai	
306	172317845	Hồ Thị Như	Quỳnh	ENG 202 D	K17KKT5	10	10	9.5	9.5	8.5	7.8	8.2	8.8	Tám Phẩy Tám	
307	172317954	Nguyễn Thị Hoài	Bắc	ENG 202 D	K17KKT5	10	9	8.5	8	6.5	3.5	5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
308	172317868	Trương Thị Hồng	Cầm	ENG 202 D	K17KKT5	9	9	7	7	7	3.8	5.4	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
309	169111313	Nguyễn Thành	Công	ENG 202 D	D17TMT1	8	8	7	6	7	5.3	6.2	6.6	Sáu Phẩy Sáu	98057
310	161215094	Hồ Văn	Đại	ENG 202 D	K16XCD1	7	7	6	6	5	5.1	5.1	5.6	Năm Phẩy Sáu	00258
311	172237376	Nguyễn Thị	Dịu	ENG 202 D	K17KTR2	9	10	7	7	7	5.8	6.4	7.1	Bảy Phẩy Một	
312	172528517	Nguyễn Thị Thùy	Dương	ENG 202 D	K17QNH1	10	10	9	8	6.5	4.9	5.7	7.2	Bảy Phẩy Hai	

Thời gian : 11-13/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%		T	55%				
313	172317777	Nguyễn Thị Ngọc Hà	ENG 202 D	K17KKT5	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
314	172338208	Hoàng Thị Hải	ENG 202 D	K17QTH1	10	9	7.5	7	6.5	4	5.3	6.5	Sáu Phẩy Năm		
315	172528533	Nguyễn Đức Hiếu	ENG 202 D	K17QNH3	8	8	9	7	6.5	3.3	4.9	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
316	172317774	Ngô Bá Ngọc Hoàng	ENG 202 D	K17KKT5	10	9	7	8	6.5	5.1	5.8	6.8	Sáu Phẩy Tám		
317	172317732	Đặng Thị Huyền	ENG 202 D	K17KKT5	10	10	8.5	7	7	4.7	5.9	7.1	Bảy Phẩy Một		
318	172338225	Trần Công Anh Khoa	ENG 202 D	K17QTH2	8	8	7.5	7	6.5	6.4	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín		
319	172317955	Nguyễn Thị Lành	ENG 202 D	K17KKT5	10	10	8.5	6.5	8	4.4	6.2	7.3	Bảy Phẩy Ba		
320	172338265	Nguyễn Phương Linh	ENG 202 D	K17QTH2	9	9	6	6	7.5	4.2	5.9	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
321	172317851	Phan Thị Na	ENG 202 D	K17KKT5	10	10	8.5	6.5	6.5	5.6	6.1	7.2	Bảy Phẩy Hai		
322	172317974	Bùi Nguyễn Kiều Oanh	ENG 202 D	K17KKT5	9	9	8.5	8	6	5.3	5.7	7.0	Bảy		
323	172528590	Nguyễn Thị Kim Oanh	ENG 202 D	K17QNH4	10	10	8.5	7	7.5	5.8	6.7	7.6	BảyPhẩy Sáu		
324	172317747	Nguyễn Hải Phượng	ENG 202 D	K17KKT5	10	10	9.5	9.5	7.5	6.4	7	8.2	Tám Phẩy Hai		
325	172317873	Nguyễn Thị Ngọc Quý	ENG 202 D	K17KKT5	10	9	8	7.5	7	5.1	6.1	7.1	Bảy Phẩy Một		
326	172317783	Huỳnh Văn Tây	ENG 202 D	K17KKT5	8	8	6	6	4.5	3.6	4.1	5.2	Năm Phẩy Hai		
327	172317820	Lê Thị Phương Thảo	ENG 202 D	K17KKT5	10	9	8	8	6.5	6	6.3	7.2	Bảy Phẩy Hai		
328	172528648	Huỳnh Thị Hoài Thư	ENG 202 D	K17QNH1	10	10	9.5	8.5	8	6.2	7.1	8.2	Tám Phẩy Hai		
329	172528650	Trần Thị Thương	ENG 202 D	K17QNH1	10	9	8.5	8	5.5	4.9	5.2	6.8	Sáu Phẩy Tám		
330	172317885	Lê Thị Phương Thuý	ENG 202 D	K17KKT5	10	9	8.5	7	6	5.1	5.6	6.9	Sáu Phẩy Chín		
331	172338179	Đỗ Khánh Trình	ENG 202 D	K17QTH2	10	10	9.5	8	8	7.5	7.8	8.5	Tám Phẩy Năm		
332	172338180	Lê Thị Thúy Vân	ENG 202 D	K17QTH2	10	10	8	7	6.5	4.6	5.6	6.9	Sáu Phẩy Chín		
333	172528700	Nguyễn Thị Hoài Xuân	ENG 202 D	K17QNH4	10	10	8	8	7.5	4.4	6	7.2	Bảy Phẩy Hai		
334	161157492	Trần Trọng Sang	ENG 202 E	K16ECD2	9	9	6.5	8.4	7	4.4	5.7	6.6	Sáu Phẩy Sáu	99469	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG		TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	310		93%	
2	Số sinh viên nợ	24		7%	
TỔNG CỘNG :		334		100%	

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 12 năm 2012
TP. ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

NGƯỜI LẬP

PHẠM NGỌC TỈNH

THS. NGUYỄN HỮU PHÚ